TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **107**/2021/DS-PT
Ngày: 03/6/2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Quốc

Các Thẩm phán: 1/- Bà Trương Thị Liên.

2/- Bà Phan Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Khương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thành Them - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2021/TLPT-DS ngày 12 tháng 4 năm 2021 về *"Tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2021/DSST ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Toà án nhân dân quận Cái Răng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 170/2021/QĐPT-DS ngày 21 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Cụ bà **Nguyễn Thị T**. sinh năm: 1928. Địa chỉ: A, khu vực B, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Kỳ Việt C. sinh năm: 1973. Địa chỉ: Y, đường T, phường H, quận K, thành phố Cần Thơ (*văn bản ủy quyền ngày 06/5/2021*).

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Ngọc N**. sinh năm: 1964. Địa chỉ: A, khu vực B, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy K. sinh năm: 1987. Địa chỉ: B, đường V, phường N, quận K, thành phố Cần Thơ. (*văn bản quỷ quyền ngày 19/5/2021*).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Nguyễn Trung G**. sinh năm: 1965.

- Anh **Nguyễn Minh Đ**. sinh năm: 1991.

- Chị **Nguyễn Ngọc Y**. sinh năm: 1995.

Cùng địa chỉ bị đơn.

Người đại diện ủy quyền của ông G, anh Đ, chị Y: anh Nguyễn Minh Th. sinh năm: 1985. Địa chỉ: E, đường Q, khu vực D, phường A, quận K, thành phố Cần Thơ. (*văn bản ủy quyền ngày 27/7/2020*).

- Bà **Nguyễn Ngọc T1**. sinh năm: 1963. Địa chỉ: Z, khu vực B, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.

- Bà **Nguyễn Thị N1** sinh năm: 1955. Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

- Bà **Nguyễn Thị N2**. sinh năm: 1951. Địa chỉ: Tổ dân phố P, xã P, huyện R, tỉnh Khánh Hòa.

- Bà **Nguyễn Ngọc H**. sinh năm: 1953. Địa chỉ: USA (Hoa Kỳ). *Ủy quyền tham gia tố tụng cho:* anh Phạm Xuân T. sinh năm: 1987. Địa chỉ: D, đường V, khu vực B, phường N, quận K, thành phố Cần Thơ (*văn bản ủy quyền có hợp pháp hóa lãnh sự ngày 15/3/2017*).

- Bà **Hồ Thị U**. sinh năm: 1943. Địa chỉ: khu vực A, phường P, quận K, thành phố Cần Thơ.

- **Ngân hàng T**. Chi nhánh C – Địa chỉ: phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.

- **UBND phường L, quận C**. Địa chỉ: khu vực B, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Ngọc N và Người có liên quan ông Nguyễn Trung G, anh Nguyễn Minh Đ, chị Nguyễn Ngọc Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn cụ Nguyễn Thị T thông qua người đại diện theo ủy quyền bà Trần Thúy P trình bày:*

Ngày 16/5/2008 bà Nguyễn Ngọc N (con ruột cụ T) có mượn tài sản là nhà và đất tại số A, khu vực B, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận QSD đất số XYZ ngày 20/9/1993 do cụ T đứng tên, để thế chấp xuất cảnh du lịch nước ngoài. Cụ T tin tưởng con gái nên đồng ý cho mượn. Lợi dụng cụ T không biết chữ, bà N gạt cụ T làm hợp đồng tặng cho tài sản là nhà và đất, được chứng thực tại UBND phường L. Vì vậy tài sản đã được sang tên chuyển quyền qua bà N (chỉnh lý ngày 02/6/2008). Sau đó phát hiện bà N không có đi du lịch, nên cụ T yêu cầu bà N trả lại tài sản nhưng bà N không trả. Do đó cụ T khởi kiện yêu cầu: Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 16/5/2008, được chứng thực tại UBND phường L; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số XYZ ngày 20/9/1993 (chỉnh lý cho bà N ngày 02/6/2008) và buộc bà N cùng những người có liên quan là ông Nguyễn Trung G, anh Nguyễn Minh Đ, chị Nguyễn Ngọc Y trả lại cụ T nhà, đất nói trên.

* *Bị đơn bà Nguyễn Ngọc N thông qua người đại diện theo ủy quyền ông Phạm Khắc P trình bày*:

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, toàn bộ tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 1262 - 795 và căn nhà trên đất, tọa lạc tại số A khu vực B, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ; trước đây cụ T đã làm hợp đồng tặng cho bà N ngày 16/5/2008 đã được chứng thực tại UBND phường L, quận C hợp đồng số 02, quyển 01/2007 TP/CC-SCT/HĐGD. Sau đó bà N đã được UBND quận C cấp quyền sử dụng và quyền sở hữu theo quy định. Do đó, đề nghị Tòa án xem xét lại thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định đã hết thời hiệu.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Nguyễn Trung G, anh Nguyễn Minh Đ, chị Nguyễn Ngọc Y thông qua người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Minh Th trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của bị đơn, do tài sản này bà N đã được cụ T tặng cho hợp pháp. Hiện gia đình bà N cùng chồng là ông G và hai người con là anh Đ, chị Y đang quản lý, sử dụng.

+ Bà Nguyễn Thị N1, Nguyễn Ngọc T1 trình bày: Đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ T, buộc bị đơn và người liên quan là ông G, anh Đ, chị Y trả lại nhà và đất cho cụ T.

+ Bà Hồ Thị U, tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 02/11/2017 trình bày: Cách đây khoảng 30 năm bà có nhận chuyển nhượng diện tích khoảng 1.500m^2 đất phía sau nhà cụ T với giá 1,5 chỉ vàng 24K. Bà canh tác khoảng 10 năm thì chuyển nhượng lại cho người khác, hiện bà không còn phần đất nào giáp với cụ T nên không có tranh chấp, không có yêu cầu gì.

+ Ngân hàng T trình bày: Năm 2013 bà Nguyễn Ngọc N có vay của Ngân hàng số tiền 130.000.000đ, có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số XYZ ngày 20/9/1993. Đến ngày 02/7/2018 bà N đã tất toán khoản vay trên cho Ngân hàng và nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, Ngân hàng không có ý kiến hay yêu cầu gì.

+ Bà Nguyễn Ngọc H trình bày: Bà là con ruột của cụ T, là chị của bà N, bà theo chồng định cư tại Mỹ từ năm 1993. Nguồn gốc nhà và đất tranh chấp hiện nay là của bà ngoại để lại cho mẹ là cụ T. Năm 1992 bà N (ở chung với bà T) đã bỏ tiền ra để sửa chữa, nâng cấp lại. Năm 2007 bà có đưa cho bà N số tiền 2.000USD (tương đương 46.000.000đ) để sửa chữa và mở rộng căn nhà. Năm 1992 tất cả chị em đều thống nhất cùng với cụ T ký di chúc tặng cho toàn bộ nhà và đất tranh chấp hiện nay cho bà N toàn quyền sử dụng. Năm 2008 cụ T ký hợp đồng tặng cho là để hợp thức hóa, không phải bà N lừa đảo cụ T.

+ Bà Nguyễn Thị N2 trình bày: Cha mẹ có tổng cộng 05 người con gồm Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Ngọc B, Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Ngọc N1 và bà. Nguồn gốc thửa đất 1262 và 795 là của ông bà ngoại để lại cho mẹ là cụ T. Trên phần đất có căn nhà lợp tôn, vách lá, nền đất, do vợ chồng N sống chung với cụ Thạch nên đã bỏ tiền ra nâng cấp, sửa chữa. Sau đó cụ T tặng cho nhà và đất trên cho vợ chồng N là thật.

+ Ủy ban nhân dân phường L trình bày: Ngày 16/5/2008 UBND phường L có chứng thực Hợp đồng tặng cho tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do cụ T tặng cho bà N. Việc chứng thực là đúng thẩm quyền, hợp đồng do phía gia đình cụ T tự viết theo mẫu, tại thời điểm chứng thực hai bên đều tự nguyện, cụ T hoàn toàn minh mẫn. Tuy nhiên, việc chứng thực là chưa đảm bảo thủ tục pháp lý về thừa kế theo quy định của pháp luật.

Vụ việc hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân quận Cái Răng đưa ra xét xử; tại Bản án sơ thẩm số: 15/2021/DS-ST ngày 09/02/2021 đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được lập giữa bà Nguyễn Thị T với bà Nguyễn Ngọc N được chứng thực của Ủy ban nhân dân phường B, quận C ngày 16/5/2008 là vô hiệu.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Ngọc N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung G, anh Nguyễn Minh Đ và chị Nguyễn Ngọc Y có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T quyền sử dụng đất thuộc thửa số 1262 và 795, tờ bản đồ số 02, có diện tích là 1.004m^2 (kết quả đo đạc thực tế là 711,3m^2), cùng căn nhà cấp 4 được xây dựng trên thửa đất số 1262, công trình, kiến trúc phụ và cây trồng có trên đất, tọa lạc tại khu vực B, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

(Kèm theo Mãnh trích đo địa chính số: 275 ngày 25/8/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Cái Răng, Bản vẽ hiện trạng ngày 19/6/2017 và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/6/2017 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng (BL 688, 685, 686, 690 đến 695).

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp số XYZ do Ủy ban nhân dân huyện C (cũ) cấp ngày 20/9/1993 cho bà Nguyễn Thị T (được chỉnh lý cho bà Nguyễn Ngọc N ngày 02/6/2008). Đề nghị cấp lại quyền sử dụng thửa 1262 và 795, tờ bản đồ số 02 cho bà Thạch theo nội dung quyết định của bản án này.

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Nguyễn Trung G, anh Nguyễn Minh Đ và chị Nguyễn Ngọc Y được quyền lưu cư trong thời hạn 06 (sáu) tháng, kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

Tách nội dung liên quan đến số tiền 46.000.000đ của bà Nguyễn Ngọc H gửi cho bà Nguyễn Ngọc N thành vụ án khác, nếu đương sự có yêu cầu.

Tách phần công sức, tu bổ, sửa chữa nhà ở, công trình, kiến trúc và cây trồng mà bà N, ông G, anh Đ và chị Y đối với tài sản tranh chấp thành vụ án khác, nếu đương sự có yêu cầu.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số: 02/2018/QĐADBPKCTT ngày 30/7/2018 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Cấm thực hiện một số hành vi nhất định".

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định, định giá tài sản và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 23/02/2021 bị đơn bà Nguyễn Ngọc N và những người có liên quan ông Nguyễn Trung G, anh Nguyễn Minh Đ, chị Nguyễn Ngọc Y kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có kháng cáo xác định vẫn giữ yêu cầu kháng cáo; nguyên đơn vẫn giữ ý kiến như đã trình bày. Đồng thời các bên có ý kiến tranh luận để bảo vệ cho yêu cầu đưa ra là có căn cứ. Bị đơn và người liên quan phía bị đơn đề nghị bác khởi kiện của nguyên đơn; Nguyên đơn đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phúc thẩm phát biểu ý kiến: đương sự và Tòa án đã thực hiện đúng quy định về pháp luật tố tụng dân sự; Về nội dung: xét hợp đồng tặng cho tài sản trong vụ án này vi phạm cả nội dung lẫn hình thức nên vô hiệu, đề nghị bác kháng cáo của bị đơn và người liên quan phía bị đơn, giữ y quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tại đơn khởi kiện ngày 21/5/2013 và khởi kiện bổ sung ngày 07/8/2013 cụ Nguyễn Thị T yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho tài sản, buộc bà Nguyễn Ngọc N trả lại nhà, đất đã mượn của cụ để làm thủ tục đi du lịch nước ngoài hứa 06 tháng trở về sẽ trả lại. Do bà N không đi nước ngoài nhưng không trả lại nhà đất, nên cụ khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, gải quyết và xác định quan hệ pháp luật "*Tranh chấp hủy hợp đồng tặng cho - đòi lại tài sản theo khoản 12 Điều 25 Bộ luật tố tụng dân sự 2004 (sửa đổi, bổ sung 2011)*".

Ngày 24/6/2014 Tòa án nhân dân quận Cái Răng xét xử sơ thẩm lần 1, áp dụng Điều 132 Bộ luật dân sự 2005 về "*Giao dịch dân sự vô hiệu do bị lừa dối*" tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy hợp đồng tặng cho tài sản và buộc bị đơn trả nhà, đất lại cho cụ Thạch.

Tại bản án phúc thẩm số 237/2014/DSPT ngày 24/10/2014 Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, trong đó có nêu "*Về mối quan hệ pháp luật trong vụ án này cấp sơ thẩm chưa làm rõ cụ thể là tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản hay quan hệ pháp luật đòi lại tài sản…*".

Đánh giá luận điểm này thấy rằng: lẽ ra khi thụ lý giải quyết lần 1, theo quy định của Bộ luật dân sự 2005: Điều 132 về "*Giao dịch dân sự vô hiệu do bị lừa dối*" hoặc Điều 134 "*Giao dịch dân sự vô hiệu do không tuân thủ quy định về hình thức*" (nếu cho rằng việc chứng thực hợp đồng tặng cho không có người làm chứng), thì theo Điều 136 "*Thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu*" từ Điều 130 đến 134 là 02 năm kể từ ngày giao dịch dân sự được xác lập. Đồng thời, tại Điều 159 Bộ luật tố tụng dân sự 2004 thì thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự là 02 năm kể từ ngày biết được quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Cấp sơ thẩm nhận định đến năm 2013 cụ T mới biết được quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm là không đúng. Bởi lẽ, đối với hợp đồng tặng cho tài sản thì ngay khi chứng thực hợp đồng, các bên đã biết và đã phát sinh quyền, nghĩa vụ. Mặt khác việc chứng thực hợp đồng đã được Chủ tịch

UBND phường, cán bộ Tư pháp và cán bộ Địa chính phường L khai rõ là có giải thích quyền, nghĩa vụ; kiểm tra, thông báo tình trạng sử dụng đất; đọc lại toàn bộ nội dung hợp đồng và chứng kiến hai bên cùng ký tên vào hợp đồng (BL từ 55 đến 60). Do đó hợp đồng không có dấu hiệu bị lừa dối và cũng không có điều kiện khi tặng cho; chỉ thiếu sót không có người làm chứng nhưng cụ T đã được giải thích, nghe đọc lại toàn bộ nội dung hợp đồng và tự nguyện lăn tay điểm chỉ trước mặt Chủ tịch UBND phường. Nếu cho rằng thiếu sót này làm cho hợp đồng vô hiệu về mặt hình thức thì thời hiệu khởi kiện đối với trường hợp này cũng đã hết.

Cũng cần nói thêm, lẽ ra khi xét xử phúc thẩm lần 1 cấp phúc thẩm phải xét thời hiệu khởi kiện theo Bộ luật dân sự 2005 và Bộ luật tố tụng dân sự 2004 để đình chỉ hủy bản án sơ thẩm chứ không phải giao về cấp sơ thẩm giải quyết lại. Đây là lỗi của cấp phúc thẩm.

[2] Tuy nhiên, đối với hợp đồng tặng cho bất động sản pháp luật quy định có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký, thời điểm có hiệu lực chậm hơn so với các loại hợp đồng khác là vì đây là loại hợp đồng không có đền bù, là hợp đồng đơn vụ nên giành quyền cân nhắc kỹ cho chủ sở hữu tài sản tặng cho. Như vậy, sau khi bà N được cụ T tặng cho nhà đất, bà đã đăng ký và được cấp, được xác lập quyền sử dụng, quyền sỡ hữu tài sản theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 467 Bộ luật dân sự 2005. Hơn nữa, tài sản được tặng cho trong trường hợp này có nhà, nên thời điểm có hiệu lực tính từ ngày hợp đồng được công chứng, chứng thực theo khoản 2 Điều 63 Nghị định 90/2006 ngày 06/9/2006 của Chính phủ. Do đó đây là hợp đồng đã có hiệu lực.

[3] Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại vụ án phía bị đơn có đề nghị Tòa án xem xét thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn. Kể cả khi vụ án được chuyển lên Tòa án thành phố với lý do có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì bị đơn cũng đề nghị áp dụng thời hiệu. Lẽ ra, khi Tòa án thành phố chuyển trả vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết (do vẫn thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp huyện) thì phải đề nghị cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 184 và điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để đình chỉ việc giải quyết vụ án mới phù hợp. Vì vậy, khi vụ án được trả về Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét đến thời hiệu khởi kiện, nghĩ rằng Tòa án cấp trên không đề cập đến vấn đề thời hiệu thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn, lỗi này thuộc về Tòa án thành phố.

[4] Thiết nghĩ cũng cần phân tích thêm việc cụ T tặng cho nhà, đất cho bà N (là con gái út sống chung với cụ) là từ năm 1992 thông qua "Tờ chúc ngôn ngày 04/6/1992" xuất phát từ ý chí của cụ T. Điều này được chứng minh bởi:

- Thư tay ngày 09/6/2014 của bà Nguyễn Thị N2 là chị cả ở Cam Ranh (BL 121) viết rằng: "*Tờ chúc ngôn ngày 04/6/1992 do em rễ tôi là Huỳnh Công K viết, vì má tôi không biết chữ. Em gái kế tôi là Nguyễn Ngọc H lúc đó chưa định cư ở Mỹ có viết thư cho tôi hay là tài sản của ông bà để lại cho má tôi vì má tôi là con một. Má tôi cho em út là Nguyễn Ngọc N1 gồm 1 miếng đất có 1 căn nhà lá và mồ mã ông bà. Các em tôi ai cũng ký, riêng tôi ở xa, con cái đông, kinh tế cũng không dư giả và nhờ em tôi là Nguyễn Ngọc H ký hộ.*

Năm 1993 em kế tôi chuẩn bị đi nước ngoài tôi có về CT thấy nhà xây xong tôi rất mừng, vì không còn ở nhà lá và nền đất nữa. Hơn 20 năm em út tôi vẫn ở chung với má tôi, không biết vì lý do gì má tôi kiện và hủy hợp đồng trao tặng. Má tôi gần 90 tuổi sống ở tuổi này rất cần sự giúp đỡ của con cháu.....phận là con tôi nói hoàn toàn là sự thật. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm. Cuối thư xin quý Tòa công minh xét xử".

- Thư tay ngày 27/8/2016 của bà Nguyễn Ngọc H (ở Mỹ) gửi về (BL 394) nội dung: "*xác nhận từ năm 1992 gia đình đã thống nhất cho đất + căn nhà lá cho bà N (nhờ chồng bà là ông Huỳnh Công K viết tờ di chúc ngày 04/6/1992). Nên sau đó vợ chồng bà N bỏ tiền ra xây nhà tường và đến năm 2007 bà về nước có cho tiền bà N để xây dựng, sửa chửa nhà lại. Năm 2008 làm hợp đồng tặng cho là hợp thức hóa lại việc đã cho trước đây*".

- Biên bản ghi lời khai ngày 05/01/2016 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cái Răng đối với ông Nguyễn Văn H (Tổ trưởng tổ tự quản Đ năm 1992) (BL 61,62) trình bày: "*Bà Nguyễn Thị T là người mang tờ chúc ngôn đến nhà tôi và nhờ tôi xác nhận…Lúc bà T mang đến nhờ tôi xác nhận thì đã có sẵn chữ ký của 05 người con bà T và bà nói bà và các con trong gia đình đã thống nhất cho lại toàn bộ phần đất cho con gái út của bà và nhờ tôi xác nhận vào tờ chúc ngôn dùm bà…Lúc bà T đến nhờ tôi xác nhận vào tờ chúc ngôn của gia đình bà thì bà còn khỏe, đầu óc minh mẫn tỉnh táo. Bà tự nguyện không có bị ai ép buộc*".

Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết và xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Do đó cần phải hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án. Như đã phân tích trên, lỗi của cấp sơ thẩm là khách quan.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: không ai phải chịu, nên các đương sự được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Riêng chi phí thẩm định, định giá tài sản bị đơn chịu.

[6] Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2018/QĐ-BPKCTT ngày 30/7/2018 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng, các đương sự có liên quan đến phần này có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án ra quyết định hủy bỏ theo khoản 3 Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 3 Điều 138, khoản 2 Điều 184, điểm e khoản 1 Điều 217, khoản 4 Điều 308, Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án 2009; Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/- Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 09/02/2021 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng xét xử vụ án "*Tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản*" giữa:

- Nguyên đơn: Cụ bà Nguyễn Thị T.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc N.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Trung G, anh Nguyễn Minh Đ, chị Nguyễn Ngọc Y, bà Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Ngọc H, bà Hồ Thị U, UBND phường B quận C.

Và đình chỉ việc giải quyết vụ án trên.

2/- Đương sự có liên quan đến Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án ra quyết định hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2018/QĐ-BPKCTT ngày 30/7/2018 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng.

3/- Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: không ai phải chịu, nên trả lại số tiền tạm ứng đã nộp cho:

- Cụ Nguyễn Thị T số tiền 3.808.000đ theo biên lai số 0000217 ngày 21/6/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng.

- Bà Nguyễn Ngọc N số tiền 300.000đ theo biên lai số 006717; anh Nguyễn Minh Đ số tiền 300.000đ theo biên lai số 006718; chị Nguyễn Ngọc Y số tiền 300.000đ theo biên lai số 006719; ông Nguyễn Trung G số tiền 300.000đ theo biên lai số 006720 cùng ngày 23/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng.

4/- Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: 5.950.000đ bị đơn chịu. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng 4.450.000đ, bị đơn nộp tạm ứng 1.500.000đ đã chi xong. Nên bị đơn trả lại số tiền 4.450.000đ cho cụ T tại Cơ quan thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Tuấn Quốc

Nơi nhận :
- Các đương sự
- VKSND.TPCT
- TAND.Q. Cái Răng.
- Chi cục THADS.Cái Răng.
- Lưu (HS - 2b).